Thanh Quân

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ TRUNG TÂM
XÃ THANH QUÂN, HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC GIỚI HẠN QUY HOẠCH

Hệ toạ độ VN 2000

Tên Điểm	Tọa độ X(m)	Tọa Độ Y(m)
M1	524115.363	2178522.715
M2	524147.657	2178522.657
M3	524183.411	2178522.727
M4	524204.796	2178521.707
M5	524219.730	2178518.840
M6	524237.598	2178512.065
M7	524289.860	2178391.290
M8	524352.913	2178586.196
M9	524355.532	2178540.056
M10	524358.081	2178497.563
M11	524346.602	2178496.877
M12	524293.087	2178499.138
M13	524239.590	2178501.399
M14	524177.338	2178500.753
M15	524112.082	2178500.073
M16	524111.483	2178555.444
M17	524114.356	2178567.238

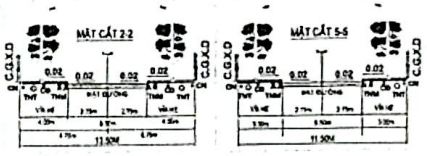

TRÍCH THỬA VỊ TRÍ QUY HOẠCH

Thuộc tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Thanh Quân đo vẽ năm 2009, tỷ lệ 1/2000

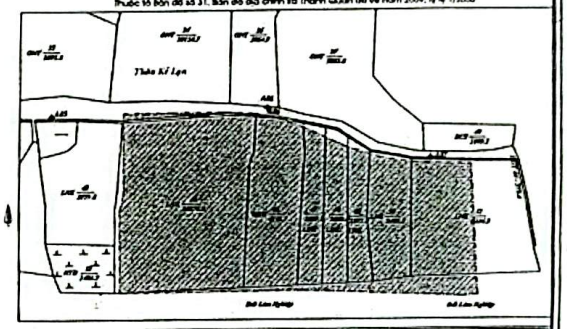

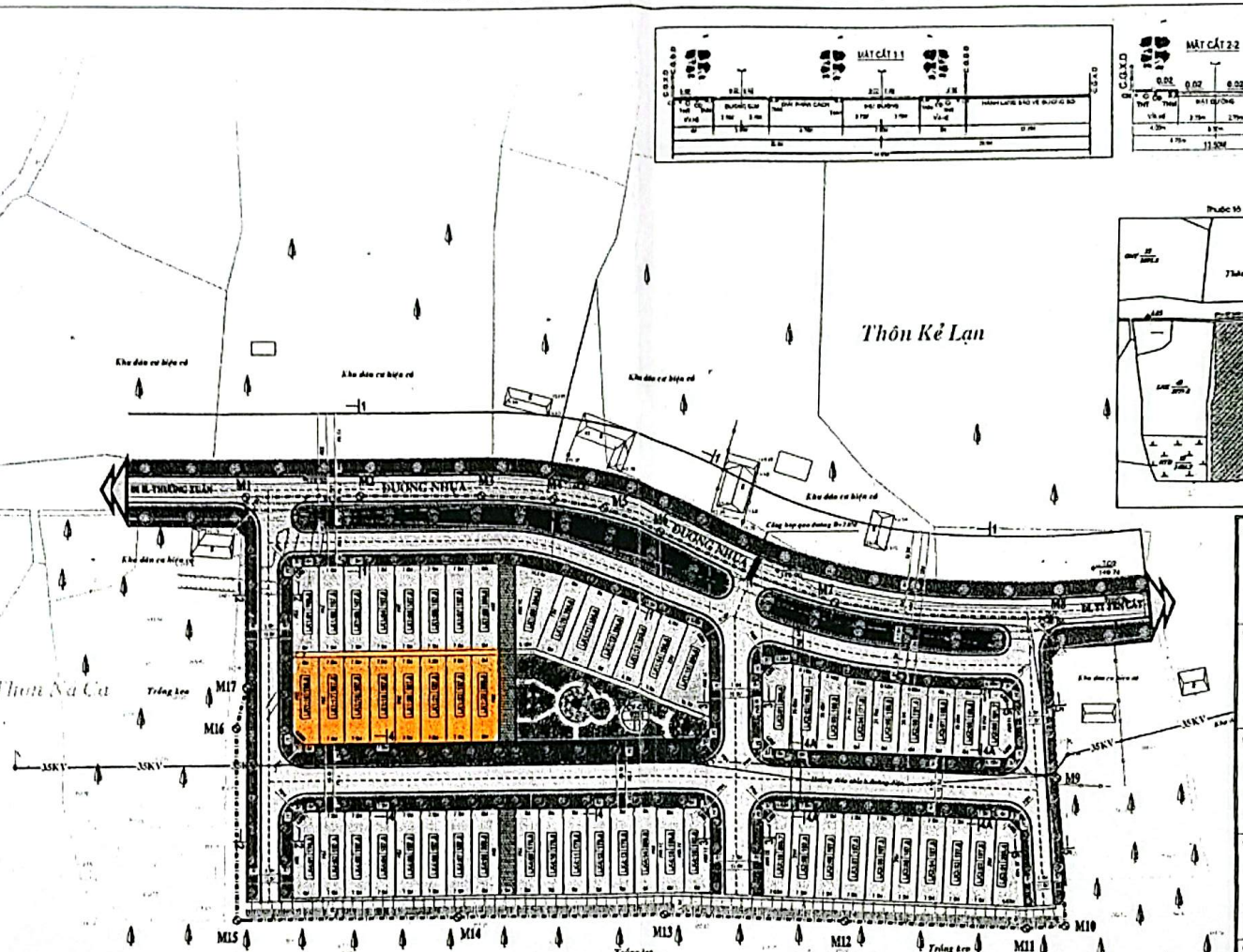

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT KÍCH THƯỚC, DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT

STT	Tên lô đất	Diện tích (m2)	Số lô	Kích thước cơ bản trung bình (m)	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Ghi chú
I. CHUỖI LÔ LIÊN KỀ 1							
1	LK1-01	125		LK1-01 (7.5x16.5)	3.5	70.00	Lô góc hai mặt
2	LK1-02	97					
3	LK1-03	97					
4	LK1-04	97					